

NGHIÊN CỨU VỀ TÁC ĐỘNG CỦA CHẤT LƯỢNG THỂ CHẾ ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ - MỘT PHÂN TÍCH THỰC NGHIỆM

Nguyễn Văn Chiến

Tóm tắt: Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế tại khu vực Đông Nam Bộ trong thời gian 2011 đến 2020. Sử dụng phân tích định lượng dữ liệu bảng, kết quả nghiên cứu cho rằng, chưa tìm thấy bằng chứng về mối quan hệ giữa chất lượng thể chế và tăng trưởng kinh tế tại khu vực Đông Nam Bộ. Tuy vậy, chi tiêu ngân sách, chất lượng nguồn nhân lực và tỷ lệ đô thị hóa có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu cũng cho rằng, mật độ dân số và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa có tác động đến tăng trưởng kinh tế khu vực.

Từ khóa: Đô thị hóa; Đông Nam Bộ; Tăng trưởng; Thể chế.

Lời mở đầu

Đối với mỗi địa phương nói riêng và từng quốc gia nói chung, mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế cao nhằm gia tăng chất lượng cuộc sống cho nhân dân và hướng tới thịnh vượng chung cho dân tộc là một mục tiêu mà các nhà chính trị, người dân hướng tới. Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng tổng sản phẩm quốc nội hoặc tổng sản phẩm quốc dân, hoặc có thể là tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người trong một thời gian nhất định. Đối với mỗi nền kinh tế, tăng trưởng đến từ sự tích lũy về vốn, lao động và năng suất nhân tố tổng hợp TFP, hay còn gọi là nhân tố công nghệ. Trong dài hạn, nhân tố về vốn sẽ đạt được tới hạn và khó có khả năng mở rộng, thu hút được dòng vốn cho tăng trưởng. Tuy vậy, nhân tố về lao động, và đặc biệt là nhân tố về công nghệ có thể được phát huy và duy trì để giúp cho khu vực, quốc gia đạt được tăng trưởng cao và có thể giúp nền kinh tế có mức thu nhập cao.

Trong các nhân tố công nghệ có ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế, không thể không kể đến sự đóng góp của chất lượng điều hành, năng lực quản trị của chính quyền. Chẳng hạn,

Acemoglu & Robinson (2010) cho rằng, năng lực quản trị điều hành, hoặc xa hơn là chất lượng thể chế của quốc gia là nhân tố quan trọng thúc đẩy các quốc gia tăng trưởng, phát triển và trở nên thịnh vượng. Acemoglu & Robinson (2010) cũng nhận định, có hai loại thể chế phổ biến hiện nay, một là thể chế dung nạp là thể chế có khả năng dung nạp những ý tưởng tốt hoặc tư tưởng mới của sự phát triển của con người và thể chế dung nạp đó có khả năng đưa một quốc gia trở nên giàu có và thịnh vượng; hai là thể chế loại trừ, loại thể chế không có khả năng dung nạp những ưu việt của sự phát triển, tạo dựng môi trường kinh doanh và chính quyền hoạt động hiệu quả. Loại thể chế sau làm ảnh hưởng tới sự phát triển của quốc gia, hoặc thậm chí có thể làm tụt hậu sự phát triển của quốc gia và đưa quốc gia rơi vào nghèo khó và lạc hậu. Có thể nói, chất lượng năng lực quản trị nói riêng và chất lượng thể chế nói chung có ảnh hưởng rõ rệt đối với sự phát triển kinh tế xã hội và mang lại sự thịnh vượng cho các quốc gia.

Chất lượng thể chế thường được đo lường bằng nhiều cách thức khác nhau. Theo nghiên

cứ của Bùi Kiều Anh và Lê Minh Sơn (2021), chất lượng thể chế có thể được xác định qua chất lượng điều hành kinh tế và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển. Như tại Việt Nam, hàng năm Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam và Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) có công bố về chỉ số chất lượng điều hành PCI, hay còn gọi là năng lực cạnh tranh cấp tính PCI. Đây được xem là một công cụ chính sách nhằm hướng tới sự thay đổi thực tiễn và cải thiện môi trường kinh doanh, trong đó chú trọng đến cải thiện gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai, tính minh bạch và chi phí về thời gian. Công cụ đo lường đó còn bao gồm chi phí phi chính thức, tính năng động của chính quyền, cạnh tranh bình đẳng và hỗ trợ doanh nghiệp, đào tạo lao động và thiết chế pháp lý. Có thể nói, chất lượng điều hành PCI đại diện tương đối tốt do khả năng bao quát nhiều hoạt động khác nhau trong kinh tế, kinh doanh và các hoạt động kinh tế nói chung của địa phương và toàn bộ quốc gia. Chất lượng điều hành càng cao đồng nghĩa với chất lượng thể chế quốc gia tốt và mang tính chất dung nạp, ngược lại, chất lượng điều hành thấp thì chất lượng thể chế thấp và có thiên hướng thể chế loại trừ.

Khu vực Đông Nam Bộ được đánh giá có mức độ phát triển kinh tế cao của đất nước. Khu vực là nơi tập trung các thành phố, địa phương có mức độ phát triển cao tiêu biểu như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh và Bình Phước. Trong đó, Thành phố Hồ Chí Minh được đánh giá là địa phương có vai trò dẫn dắt kinh tế trong vùng Đông Nam Bộ. Khu vực Đông Nam Bộ có đóng góp rất to lớn trong thu hút dòng vốn FDI, tạo việc làm, kết nối ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế và là động lực tăng trưởng chính của đất nước.

1. Tổng quan nghiên cứu

Sự phát triển kinh tế tại hầu hết các địa phương, quốc gia đều chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau. Trong đó, vai trò của

thể chế được nhiều học giả đánh giá là nhân tố quan trọng có ảnh hưởng tới sự phát triển của các quốc gia trên con đường hướng tới sự phát triển bền vững và thịnh vượng. Chính vì đó, các quốc gia luôn thực hiện nhiều giải pháp khác nhau nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, giảm chi phí phi chính thức, hạn chế tham nhũng, cải cách dịch vụ hành chính công... hoặc nói cách khác các quốc gia thực hiện các biện pháp nhằm giảm chi phí của xã hội là một yêu cầu cấp thiết cải thiện tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Mối quan hệ giữa chất lượng thể chế và tăng trưởng kinh tế đã được thực hiện qua nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước. Wang và cộng sự (2023) nghiên cứu trên 10 quốc gia phát triển, chủ yếu ở châu Âu trong giai đoạn 2008 đến 2020 cho rằng, các tổ chức mạnh là nơi mà bảo vệ, quản trị tốt và thực thi quyền tài sản chống lại tham nhũng để đạt được hiệu quả về quản trị tài nguyên và được coi là nguồn lực kinh tế quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng. Tiềm năng thúc đẩy GDP cũng là nhân tố có ảnh hưởng tích cực đến khả năng cải thiện đời sống kinh tế của người dân.

Giải thích nguyên nhân của tăng trưởng là một chủ đề dành được nhiều sự quan tâm của các học giả và nhà nghiên cứu. Tăng trưởng kinh tế giúp cho các quốc gia duy trì và cải thiện sức cạnh tranh quốc tế của đất nước. Mô hình nghiên cứu truyền thống nhấn mạnh sự đóng góp của tăng trưởng từ các nhân tố vốn nhân lực, lao động, công nghệ, tài nguyên thiên nhiên. Tuy vậy, chất lượng thể chế cao có thể là động lực mới cho tăng trưởng do thúc đẩy các hoạt động kinh tế, giữa tiêu dùng và đầu tư và phân phối nguồn lực. Một nghiên cứu liên quan đến vấn đề trên là của Ashraf và cộng sự (2022) tại 86 nền kinh tế trong giai đoạn 1995 đến 2019. Sử dụng phân tích định lượng không gian, nhóm tác giả cho rằng, tồn tại cơ chế lan tỏa gián tiếp của chất lượng thể chế và độ mở kinh tế, cụ thể thể chế và độ mở của nền kinh tế là động lực thúc đẩy thịnh vượng và tăng trưởng của quốc gia, đồng thời

có tác động lan tỏa đến tăng trưởng kinh tế sang các khu vực xung quanh. Điều đó khẳng định chất lượng thể chế không những có tác động tại quốc gia nghiên cứu mà còn có thể có hiệu ứng lan tỏa đến các quốc gia khác do các quốc gia thường duy trì hoạt động kinh tế gắn kết với nhau.

Ahmed và cộng sự (2022) cũng đã có đánh giá tác động của chất lượng thể chế và tăng trưởng và kết quả thể hiện qua nhiều khía cạnh khác nhau. Một là, tác giả cho rằng chất lượng thể chế có tác động tích cực lên vốn nhân lực và tăng trưởng, được chứng minh qua nghiên cứu tại các nước Ả Rập. Hai là, tác giả cho rằng, tác động của chất lượng thể chế đến tăng trưởng chịu ảnh hưởng mạnh bởi khả năng chính phủ kiểm soát tham nhũng. Cụ thể, tăng thêm 1% kiểm soát tham nhũng có thể giúp nền kinh tế tăng trưởng thêm 6,9%. Ahmed và cộng sự (2022) cũng nhấn mạnh hiệu quả chính phủ cao hơn dẫn tới cải thiện chất lượng môi trường và là mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, đáp ứng mục tiêu duy trì tăng trưởng xanh và thích ứng biến đổi khí hậu. Đối với các quốc gia Nam Á trong thời gian 2000 đến 2018, Ahmed và cộng sự (2022) cho rằng, tồn tại mối quan hệ tích cực của chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế trong dài hạn, đặc biệt là tăng trưởng xanh và đồng thời có sự tham gia của thị trường tài chính có khả năng định hướng các dòng đầu tư vào các dự án có tăng trưởng cao và phát triển bền vững. Như vậy có thể thấy, khi quốc gia có thể chế dung nạp, thị trường tài chính có định hướng đầu tư có hiệu quả thì hiệu quả kinh tế được mở rộng hơn.

Hầu hết các quốc gia trên thế giới thuộc nhóm các quốc gia có mức thu nhập thấp và trung bình thấp, nhiều quốc gia trong đó rơi vào bẫy thu nhập trung bình khi không thể nâng cao được năng suất lao động để bước chân vào nhóm có mức thu nhập cao; tương ứng với chất lượng thể chế không cao và thường không hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế. Vai trò của thể chế và tác động đối với các

quốc gia, đặc biệt là các quốc gia có mức thu nhập thấp và trung bình thấp đã được quan tâm bởi một số nghiên cứu gần đây, tiêu biểu như Arvin và cộng sự (2021). Tác giả cho rằng, thể chế tốt thường đảm bảo cho quốc gia sử dụng nguồn lực hiệu quả và tạo ra hệ thống kinh tế phù hợp thúc đẩy đầu tư và tiêu dùng. Arvin và cộng sự (2021) nhấn mạnh chất lượng thể chế có tác động tăng trưởng trong ngắn hạn và cả trong dài hạn. Cùng với thực thi chính sách tài khóa hỗ trợ tăng trưởng, chất lượng thể chế giúp cho thực thi chính sách tài khóa hiệu quả và giúp cho nền kinh tế duy trì tăng trưởng trong dài hạn. Qua nghiên cứu, nhóm tác giả nhấn mạnh vai trò của chất lượng thể chế trong đảm bảo hiệu quả của chính sách tài khóa, đặc biệt là các khoản đầu tư công và chính sách thuế, đó là động lực cho tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia có mức thu nhập thấp và trung bình thấp.

Chất lượng thể chế và ảnh hưởng đến nền kinh tế còn là chủ đề thu hút nhiều tranh luận trong giai đoạn hiện nay. Theo Acemoglu và Robinson (2010), khi một quốc gia có thể chế mạnh, chất lượng thể chế có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Theo giải thích của tác giả, quốc gia có một thể chế mạnh có chi phí giao dịch thấp, có khả năng bảo vệ quyền tài sản và thực thi pháp luật ổn định, nhờ đó thúc đẩy doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hiệu quả và kinh tế phát triển. Thể chế tốt còn gắn liền với hoạt động thúc đẩy sự đổi mới và tinh thần doanh nhân và thúc đẩy phát triển. Ngược lại, tăng trưởng kinh tế còn thúc đẩy hoạt động xã hội dân sự và tư nhân cho mục tiêu cải thiện hoạt động hiệu quả của chính phủ. Các nghiên cứu mối quan hệ tác động qua lại giữa chất lượng thể chế và tăng trưởng thường được đánh giá qua cấp độ quốc gia, tuy nhiên, còn thiếu vắng sự đánh giá mối quan hệ này trong cấp độ tỉnh trong cùng một quốc gia. Một nghiên cứu ở phạm vi nhỏ đã được thực hiện bởi Corradini (2021) tại một số địa phương của Italia giai đoạn 2004 đến 2012 và nhận định rằng, chất lượng thể chế địa phương có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, đặc biệt

hiệu ứng này tăng lên tại địa phương có mức độ phát triển thấp. Tuy nhiên, không có tác động ngược lại giữa tăng trưởng kinh tế và chất lượng thể chế.

Một nghiên cứu khác ở cấp độ địa phương cũng đã được thực hiện qua nghiên cứu của Qiang & Jian (2020). Tác giả thực hiện nghiên cứu dữ liệu cấp tỉnh tại Trung Quốc trong khoảng thời gian 2005 đến 2018 và chia biến thể chế thành: phân bổ nguồn lực thị trường, độ mở thị trường và sự đa dạng quyền sở hữu. Hai tác giả tìm thấy sự khác biệt trong tăng trưởng vùng là do khác biệt thể chế, đặc biệt là hiệu quả thực thi thể chế. Kết quả nghiên cứu khẳng định hệ thống phân bổ nguồn lực thị trường và quyền sở hữu thấp đã hạn chế sử dụng tối ưu nguồn lực để phát triển kinh tế. Ngược lại, sự mở rộng thị trường có thể giúp sử dụng nguồn lực tối ưu hơn và tạo cơ chế thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Do đó, có thể thấy được mối quan hệ tích cực giữa chất lượng thể chế và tăng trưởng kinh tế.

2. Nguồn số liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nguồn số liệu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng dữ liệu bảng được thu thập tại các tỉnh và thành phố vùng Đông Nam Bộ trong khoảng thời gian 2010 đến 2020. Các tỉnh, thành phố trong khu vực Đông Nam Bộ gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh và Bình Phước. Trong đó, Thành phố Hồ Chí Minh được coi là trung tâm kinh tế của vùng có vai trò dẫn dắt phát triển kinh tế của vùng. Các dữ liệu được thu thập từ Tổng cục Thống kê được công bố hàng năm.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên các nghiên cứu trước của Qiang & Jian (2020), nghiên cứu này có bổ sung một số biến đặc thù của vùng Đông Nam Bộ, mô hình nghiên cứu đề xuất có dạng:

$$\begin{aligned} \text{GROWTH}_{it} = & \beta_{0i} + \beta_1 \text{PCI}_{it} + \beta_2 \text{SPEND}_{it} \\ & + \beta_3 \text{EDU}_{it} + \beta_4 \text{DEN}_{it} \\ & + \beta_5 \text{URBAN}_{it} + \beta_6 \text{FDI}_{it} + \mu_{0i} \end{aligned}$$

Trong đó:

GROWTH_{it} là biến phụ thuộc, thể hiện qua quy mô kinh tế của địa phương *i* và năm *t*, được tính bằng log của tổng thu nhập quốc nội theo giá hiện hành, được lấy từ Tổng cục Thống kê;

PCI_{it} là chỉ số phản ánh cho năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đại diện cho chất lượng điều hành và môi trường kinh doanh tại địa phương *i* và năm *t*, được đề xuất bởi Bùi Kiều Anh và Lê Minh Sơn (2021) và biến này là đại diện cho chất lượng thể chế;

SPEND_{it} là biến độc lập, đo lường bằng log của tổng chi ngân sách của địa phương *i* tại năm *t*;

EDU_{it} là biến độc lập, thể hiện chất lượng giáo dục đào tạo tại tỉnh *i* và năm *t*, đo lường bằng tỷ lệ lao động qua đào tạo tính từ trung cấp nghề trở lên trên địa bàn;

DEN_{it} là biến độc lập, đo bằng log mật độ dân số của địa phương *i* và năm *t*;

URBAN_{it} là biến độc lập, thể hiện tỷ lệ đô thị hóa của địa phương *i* và năm *t*;

FDI_{it} là biến độc lập, đo lường bằng log đầu tư trực tiếp nước ngoài (Bảng 1);

BẢNG 1. CÁC BIẾN ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG MÔ HÌNH

Tên biến	Kí hiệu	Dấu kỳ vọng	Nghiên cứu trước
<i>Biến phụ thuộc</i>			
Tăng trưởng kinh tế	GROWTH		Bùi Kiều Anh và Lê Minh Sơn (2021)

<i>Biến độc lập</i>			
Chất lượng thể chế	PCI	+	Corradini (2021)
Chi ngân sách nhà nước	SPEND	+	Phát triển bởi tác giả
Chất lượng giáo dục đào tạo	EDU	+	Petrović-Randelović và cộng sự (2020)
Mật độ dân số	DEN	+/-	Phát triển bởi tác giả
Tỷ lệ đô thị hóa	URBAN	+	Joshua và cộng sự (2020)
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép	FDI	+	Ahmad & Ahmed (2014)

Nguồn: Tóm tắt của tác giả.

Phương pháp sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp định lượng. Do đây là dữ liệu bảng (panel data) nên nghiên cứu thực hiện phân tích hồi quy cho dữ liệu bảng, trong đó có sử dụng phương pháp hồi quy bình phương tối thiểu nhỏ nhất (OLS), tác động cố định (FEM) và tác động ngẫu nhiên (REM). Nghiên cứu cũng đánh giá hiện tượng tự tương quan và phương sai thay đổi và khi xảy ra hiện tượng này thì nghiên cứu thực hiện hồi quy bình phương tối thiểu tổng quát khả thi (FGLS). Nghiên cứu cũng thực hiện phân tích các chỉ số thành phần của chất lượng thể chế (PCI). Theo nghiên cứu của Nguyễn Văn Chiến (2022), một địa phương có chỉ số PCI cao tương xứng có chất lượng điều hành và môi trường kinh doanh tốt, thể hiện địa phương có chất lượng thể chế tốt. Hơn nữa, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) là chỉ số đánh giá xếp hạng chính quyền 63 tỉnh, thành phố về chất lượng điều hành và môi trường kinh doanh. Chỉ số PCI có thang điểm 100, được đánh giá dựa trên 10 tiêu chí như:

gia nhập thị trường (PCI1), tiếp cận đất đai (PCI2), tính minh bạch (PCI3), chi phí thời gian (PCI4), chi phí không chính thức (PCI5), cạnh tranh bình đẳng (PCI6), tính năng động (PCI7), hỗ trợ doanh nghiệp (PCI8), đào tạo lao động (PCI9) và thiết chế pháp lý (PCI10).

3. Kết quả và thảo luận kết quả

3.1. Thống kê mô tả

Bảng 2 trình bày thống kê mô tả của các biến trong mô hình. Về quy mô kinh tế (GROWTH), các địa phương trong vùng có quy mô kinh tế bình quân khá cao, điều này đã được khẳng định qua báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022), khẳng định khu vực Đông Nam Bộ có mức độ phát triển kinh tế cao hơn so với nhiều khu vực kinh tế khác. Về chất lượng thể chế, chỉ số PCI đạt bình quân 61,75 và là mức khá, độ lệch chuẩn nhỏ 3,68 nên có thể thấy chất lượng thể chế và công tác điều hành, môi trường kinh doanh các địa phương trong vùng tương đối đồng đều.

BẢNG 2. THỐNG KÊ MÔ TẢ

Biến	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
GROWTH	320685,60	335926,40	29211,28	1371716
PCI	61,75	3,68	51,95	70,16
SPEND	29391	27639,86	4944,56	113235
EDU	20,31	8,00	3,26	38,77
DEN	1032,42	1350,63	130,58	4476

URBAN	47,42	24,94	16,00	82,35
FDI	6,57	1,24	3,28	9,02

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

3.2. Phân tích tương quan

Phân tích tương quan nhằm phát hiện khả năng xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến, đặc biệt khi các biến số có tương quan cao. Dựa vào kết quả Bảng 3, hệ số tương quan SPEND và DEN đạt 0,9184 và lớn hơn 0,9 nên có khả năng xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Chính

vì vậy, nghiên cứu thực hiện đánh giá hệ số phóng đại phương sai VIF và kết quả cho thấy hệ số VIF đạt 5,59 và nhỏ hơn 10, nên có thể kết luận không có hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình ước lượng.

BẢNG 3: MA TRẬN TƯƠNG QUAN

Biến	GROWTH	SPEND	EDU	DEN	URBAN	FDI	IP
GROWTH	1,0000						
SPEND	0,9252	1,0000					
EDU	0,6501	0,6065	1,0000				
DEN	0,9210	0,9184	0,5379	1,0000			
URBAN	0,8710	0,7783	0,5868	0,8717	1,0000		
FDI	0,7833	0,7950	0,4768	0,8126	0,7522	1,0000	
PCI	0,4293	0,4515	0,3538	0,3711	0,4117	0,5263	1,0000

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

3.3. Kết quả hồi quy

BẢNG 4. KẾT QUẢ HỒI QUY

STT	Biến	Pooled OLS	FEM	REM	FGLS
1	PCI	-0,0011 (0,934)	-0,0012 (0,855)	-0,0011 (0,934)	-0,0011 (0,930)
2	SPEND	0,6483*** (0,000)	0,5418*** (0,000)	0,6483*** (0,000)	0,6483*** (0,000)
3	EDU	0,2404* (0,075)	-0,0269 (0,676)	0,2404* (0,070)	0,2404* (0,054)
4	DEN	0,1926 (0,190)	1,9268*** (0,000)	0,1926 (0,184)	0,1926 (0,157)
5	URBAN	0,0124*** (0,002)	-0,0140** (0,020)	0,0124*** (0,001)	0,0124*** (0,001)
6	FDI	-0,0105 (0,871)	0,0016 (0,955)	-0,0105 (0,870)	-0,0105 (0,862)
7	Hệ số góc	3,3380** (0,001)	-4,6107** (0,036)	3,3380** (0,001)	3,3380** (0,000)
8	P-value	0,0000	0,0000	0,000	0,000
9	R bình phương	0,9111	0,8434	0,9202	

STT	Biến	Pooled OLS	FEM	REM	FGLS
10	Root MSE	0,3237			
11	Kiểm định F	F (5, 48) = 48,17 Prob > F = 0,000			
11	Kiểm định Hausman		chi2(6) = 27,95 Prob>chi2 = 0,0001		
12	Kiểm định Wooldridge tự tương quan		F (1, 5) = 36,917 Prob > F = 0,000		
13	Kiểm định Wald phương sai thay đổi		chi2(6) = 85,07 Prob>chi2 = 0,0000		

Ghi chú: *, **, *** để mô tả cho mức ý nghĩa là 1%, 5%, 10%.

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

BẢNG 5: KẾT QUẢ HỒI QUY VỚI TỪNG TRƯỜNG HỢP CỦA PCI

STT	Biến	PCI1	PCI2	PCI3	PCI4	PCI5
1	PCI	0,0318 (0,512)	-0,0200 (0,689)	0,0030 (0,970)	-0,0490 (0,351)	-0,0014 (0,970)
2	SPEND	0,6469*** (0,000)	0,6401*** (0,000)	0,6468*** (0,000)	0,6629*** (0,000)	0,6444*** (0,000)
3	EDU	0,2476** (0,047)	0,2453** (0,050)	0,2400* (0,054)	0,2414* (0,051)	0,2407* (0,057)
4	DEN	0,1963 (0,130)	0,2044 (0,120)	0,1948 (0,149)	0,1997 (0,122)	0,1971 (0,137)
5	URBAN	0,0126*** (0,000)	0,0122*** (0,001)	0,0124*** (0,000)	0,0122*** (0,000)	0,0123*** (0,001)
6	FDI	-0,0145 (0,798)	-0,0134 (0,813)	-0,0120 (0,834)	-0,0223 (0,698)	-0,0124 (0,826)
7	Hệ số góc	3,1103** (0,000)	3,4169*** (0,000)	3,2603** (0,002)	3,4874** (0,000)	3,2994** (0,000)
8	P-value	0,0000	0,0000	0,000	0,000	0,000

Ghi chú: *, **, *** để mô tả cho mức ý nghĩa là 1%, 5%, 10%.

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

BẢNG 6: KẾT QUẢ HỒI QUY VỚI TỪNG TRƯỜNG HỢP CỦA PCI (tiếp)

STT	Biến	PCI6	PCI7	PCI8	PCI9	PCI10
1	PCI	-0,0009 (0,985)	-0,1159*** (0,008)	-0,0050 (0,884)	-0,0128 (0,798)	-0,0555 (0,230)
2	SPEND	0,7250***	0,5234***	0,6477***	0,6459***	0,6418***

		(0,000)	(0,000)	(0,000)	(0,000)	(0,000)
3	EDU	0,1736 (0,148)	0,2982** (0,013)	0,2418* (0,053)	0,2405* (0,053)	0,2769*8 (0,029)
4	DEN	0,1748 (0,221)	0,3338** (0,013)	0,1948 (0,136)	0,1944 (0,136)	0,2094 (0,105)
5	URBAN	0,0120*** (0,001)	0,0099*** (0,004)	0,0123*** (0,001)	0,0124*** (0,000)	0,0121*** (0,001)
6	FDI	-0,0082 (0,889)	-0,0229 (0,670)	-0,0120 (0,833)	-0,0113 (0,843)	-0,0263 (0,646)
7	Hệ số góc	2,8219** (0,001)	4,2652*** (0,000)	3,2978** (0,000)	3,3626** (0,000)	3,5421** (0,000)
8	P-value	0,0000	0,0000	0,000	0,000	0,000

Ghi chú: *, **, *** để mô tả cho mức ý nghĩa là 1%, 5%, 10%.

Nguồn: Kết quả tính toán của tác giả.

Bảng 4 cho thấy, kiểm định F cho kết quả hồi quy FEM tốt hơn OLS, kiểm định Hausman cho kết quả hồi quy FEM tốt hơn REM. Do đó, hồi quy FEM cho kết quả tốt nhất. Tuy vậy, hồi quy theo mô hình FEM gặp hiện tượng tự tương quan và phương sai thay đổi nên phải thực hiện hồi quy FGLS.

Kết quả hồi quy cho thấy, biến PCI không có tác động đến tăng trưởng, nhưng biến thành phần PCI7 có tác động âm. Nghiên cứu cũng cho thấy SPEND, EDU và URBAN có tác động tích cực đến tăng trưởng, nhưng FDI và DEN không có tác động rõ ràng đến tăng trưởng kinh tế.

Kết quả nghiên cứu chưa cho thấy mối quan hệ rõ ràng giữa chất lượng thể chế và tăng trưởng kinh tế. Nghĩa là trong điều kiện Việt Nam nói chung và các tỉnh, thành phố Đông Nam Bộ nói riêng chưa cho thấy mối quan hệ giữa chất lượng thể chế và những ảnh hưởng tới tăng trưởng. Điều này có thể giải thích thể chế chưa phải là nguyên nhân kích thích tăng trưởng kinh tế, mà nguyên nhân tạo nên tăng trưởng chính là ở các nhân tố chi tiêu ngân sách, chất lượng nguồn nhân lực và quá trình đô thị hóa. Thực vậy, khi chi tiêu ngân sách tăng lên đồng nghĩa với nguồn lực cho phát triển, đặc biệt là nhiều nguồn lực sử dụng cho xây dựng hạ tầng cứng và hạ tầng mềm, và

những khoản đầu tư này mang lại lợi ích lan tỏa cho nền kinh tế. Hiện nay, khu vực Đông Nam Bộ đang phát triển nhanh, đồng thời khu vực này có mức độ tăng dân số cơ học lớn hơn các khu vực khác trong cả nước do quá trình di dân từ các địa phương khác nhau đến sinh sống và làm việc tại vùng. Tăng dân số cơ học tại khu vực Đông Nam Bộ đã đặt ra yêu cầu cấp thiết cho khu vực này phải có đủ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện nâng cấp cơ sở hạ tầng, hệ thống trường lớp, dịch vụ y tế, và từ đó có thể đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế.

Quá trình đô thị hóa là động lực cho sự phát triển. Đô thị hóa gắn liền với chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển từ sản xuất nông nghiệp có năng suất thấp sang sản xuất công nghiệp có năng suất cao hơn. Theo Tổ chức Lao động quốc tế ILO (2016), người lao động dịch chuyển từ khu vực nông thôn đến sinh sống ở khu vực thành thị nên họ có khả năng tìm kiếm việc làm cho mức thu nhập cao hơn và quá trình đó cải thiện năng suất lao động, giúp cho nền kinh tế phát triển.

Kết luận

Khu vực Đông Nam Bộ có những đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế của đất nước trong suốt thời gian qua. Khu vực Đông Nam Bộ được đánh giá có mức độ phát triển

kinh tế năng động, là đầu mối gắn kết, giao lưu kinh tế của Việt Nam và thế giới. Đồng thời, các địa phương trong khu vực Đông Nam Bộ cũng đi đầu trong thực hiện các cải cách kinh tế, nâng cao chất lượng điều hành và môi trường kinh doanh. Nghiên cứu mối quan hệ giữa chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế tại khu vực Đông Nam Bộ, tiêu biểu tại các địa phương trong vùng như Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh và Bình Phước trong khoảng thời gian 2011 đến 2020, qua phân tích định lượng, kết quả nghiên cứu cho rằng: chưa tìm thấy bằng chứng tác động giữa chất lượng thể chế và tăng trưởng kinh tế tại khu vực Đông Nam Bộ. Tuy vậy, chỉ tiêu ngân sách, chất lượng nguồn nhân lực và tỷ lệ đô thị hóa có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Nghiên

cứ không cho thấy có tác động có ý nghĩa thống kê của yếu tố mật độ dân số và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế khu vực.

Nghiên cứu có một số hàm ý chính sách. Một là, Đông Nam Bộ tiếp tục thực hiện các cải cách thể chế theo hướng xây dựng chính quyền kiến tạo với việc tạo ra một môi trường kinh doanh thân thiện nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Hai là, Đông Nam Bộ có thể nâng cao hiệu quả đầu tư công thông qua biện pháp nâng cao hiệu quả đầu tư, đầu tư vào dự án có tính chất lan tỏa cao và tạo liên kết vùng nhằm giảm chi phí kết nối. Ba là, cải thiện chất lượng đô thị hóa trong vùng thông qua nâng cao hiệu quả các chương trình nhà ở, dịch vụ y tế, giáo dục, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

Tài liệu tham khảo

1. Acemoglu D. & Robinson J. A. (2010). *Why nations fail: The origins of power, prosperity and poverty*, Edition: Illustrated, September 16, 2013
2. Ahmad, M. H. & Ahmed, Q. M. (2014). Does the institutional quality matter to attract the foreign direct investment? An empirical investigation for Pakistan. *South Asia Economic Journal*, 15 (1), 55-70, <https://doi.org/10.1177/1391561414525708>.
3. Ahmed, F., Kousar, S., Pervaiz, A., & Shabbir, A. (2022). Do institutional quality and financial development affect sustainable economic growth? Evidence from South Asian countries. *Borsa Istanbul Review*, 22(1), 189–196. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.bir.2021.03.005>
4. Arvin, M. B., Pradhan, R. P., & Nair, M. S. (2021). Are there links between institutional quality, government expenditure, tax revenue and economic growth? Evidence from low-income and lower middle-income countries. *Economic Analysis and Policy*, 70, 468–489. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.eap.2021.03.011>
5. Ashraf, J., Luo, L., & Khan, M. A. (2022). The Spillover Effects of Institutional Quality and Economic Openness on Economic Growth for the Belt and Road Initiative (BRI) countries. *Spatial Statistics*, 47, 100566. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.spasta.2021.100566>
6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022). Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng Đông Nam Bộ - thành tựu và sứ mệnh mới. Truy cập tại <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=54644&idcm=49>, ngày 26/5/2023.
7. Bùi Kiều Anh và Lê Minh Sơn (2021). Vai trò của thể chế trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế tài chính Việt Nam*, 2, 15-20.
8. Corradini, C. (2021). Local institutional quality and economic growth: A panel-VAR analysis of Italian NUTS-3 regions. *Economics Letters*, 198, 109659. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.econlet.2020.109659>

9. Joshua, U., Bekun, F.V., Sarkodie, S.A. (2020). New insight into the causal linkage between economic expansion, FDI, coal consumption, pollutant emissions and urbanization in South Africa, *AGDI Working Paper*, No. WP/20/011, African Governance and Development Institute (AGDI), Yaoundé.
10. Nguyễn Văn Chiến (2022). Tác động chất lượng thể chế lên thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Nghiên cứu trường hợp Đông Nam Bộ. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 4(527), 13-23.
11. Petrović-Randelović M., Rađenović T., Krstić B. & Mičić V. (2020). Does the level of human capital matter for FDI in the Western Balkan countries?. *Acta Oeconomica*, 70 (3), 381-405, <https://akjournals.com/view/journals/032/70/3/article-p381.xml>, truy cập ngày 1-11-2021.
12. Qiang, Q., & Jian, C. (2020). Natural resource endowment, institutional quality and China's regional economic growth. *Resources Policy*, 66, 101644. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.resourpol.2020.101644>.
13. Tổ chức lao động quốc tế ILO (2016). Khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi sang khu vực kinh tế chính thức. Nguồn truy cập https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_820477.pdf, ngày 2/3/2023.
14. Wang, J., Yang, J., & Yang, L. (2023). Do natural resources play a role in economic development? Role of institutional quality, trade openness, and FDI. *Resources Policy*, 81, 103294. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.resourpol.2023.103294>.

Thông tin tác giả:**1. Nguyễn Văn Chiến, TS.**

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Thủ Dầu Một

- Địa chỉ email: chiennv@tdmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 2/3/2023

Ngày nhận bản sửa: 24/4/2023

Ngày duyệt đăng: 11/5/2023